

Số: /STC-GCSDN

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý, điều hành về giá tháng 01 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

I. Tổng quan thị trường và giá cả tháng 01 năm 2023:

Tết Nguyên đán Quý Mão rơi vào tháng 01 năm 2023 nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao, giá hàng hóa và dịch vụ tăng theo quy luật tiêu dùng vào dịp Tết; giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới và điều chỉnh theo mức thuế bảo vệ môi trường từ ngày 01/01/2023 là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2023 tăng so với tháng 12 năm 2022.

Theo số liệu của Cục Thống kê Quảng Bình và qua khảo sát giá thị trường trên địa bàn tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tỉnh Quảng Bình tháng 01 năm 2023 tăng 0,38% so với tháng trước, tăng 6,09% so với kỳ gốc năm 2019. CPI bình quân 01 tháng năm 2023 tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước (trong đó: nhóm hàng hóa tăng 0,57%; nhóm dịch vụ tăng 0,20%).

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 05 nhóm tăng, 01 nhóm giảm và 05 nhóm không đổi so với tháng trước, cụ thể như sau:

- 05 nhóm tăng so với tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,60%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,58%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,25%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,28%; nhóm giao thông tăng 1,18%.

- 01 nhóm giảm so với tháng trước: Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,09%.

- 05 nhóm không đổi so với tháng trước: Nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm giáo dục; nhóm bưu chính viễn thông; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác.

* *Chỉ số giá vàng 99,99%*: Giá vàng trong tỉnh biến động theo giá vàng trong nước. Giá vàng bình quân tháng 01 năm 2023 tăng 0,61% so với tháng trước; dao động quanh mức 5,33 triệu đồng/chỉ; tăng 38,14% so với kỳ gốc năm 2019. Giá vàng bình quân 01 tháng năm 2023 tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

* *Chỉ số giá đô la Mỹ (USD)*: Giá đô la Mỹ (USD) tháng này có giá bình quân 23.469 đồng/USD, giảm 2,31% so với tháng trước, tăng 1,61% so với kỳ gốc năm 2019. Giá đô la Mỹ (USD) bình quân 01 tháng năm 2023 tăng 3,80% so với cùng kỳ năm trước.

1. Nguyên nhân làm tăng CPI tháng 01 năm 2023:

- Đây là tháng trùng dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, tuy nhiên do

tác động của suy thoái kinh tế nên nhìn chung sức mua của người dân giảm hơn so với những năm trước. Đồng thời, các mặt hàng Tết phong phú, đa dạng, cùng với chính sách bình ổn giá, khuyến mãi, giảm giá tại các điểm siêu thị, tạp hoá lớn, đảm bảo đáp ứng đủ cho nhu cầu người dân, dẫn đến hầu hết các nhóm mặt hàng phục vụ Tết có biến động tăng giá nhưng không lớn.

- Giá xăng, dầu trong nước được điều chỉnh tăng 02 đợt vào ngày 01/01/2023, ngày 03/01/2023 và điều chỉnh giảm 01 đợt vào ngày 11/01/2023, làm giá xăng, dầu bình quân tăng so với tháng trước. Giá xăng tăng 2,39% so với tháng trước, riêng dầu Diezen giảm 2,85% so với tháng trước; đã tác động đến chỉ số giá nhóm giao thông tăng 1,18%.

- Ảnh hưởng của giá vàng tháng này tăng nên giá các mặt hàng trang sức tăng 0,31% so với tháng trước.

2. Nguyên nhân làm giảm CPI tháng 01 năm 2023:

- Giá điện sinh hoạt tháng này giảm 0,79% và giá nước sinh hoạt tháng này giảm 0,09% so với tháng trước, do nhu cầu tiêu dùng giảm.

- Giá gas được điều chỉnh giảm so với tháng trước. Giá bình gas Petrolimex 12 kg là 429.000 đồng/bình, giảm 27.000 đồng/bình; làm giá gas giảm 5,92% so với tháng trước.

II. Diễn biến giá tiêu dùng tháng 01 năm 2023 của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 01 năm 2023 tăng 0,60% so với tháng trước, trong đó: lương thực tăng 0,91%, thực phẩm tăng 0,72%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,12% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp tăng 0,20% vào mức tăng chung của CPI tháng 01 năm 2023.

1.1. Lương thực: Chỉ số giá lương thực tháng 01 năm 2023 tăng 0,91% so tháng trước. Chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,42%, do giá gạo xuất khẩu duy trì ở mức cao và nhu cầu tiêu dùng các loại gạo tẻ ngon và gạo nếp tăng vào dịp Tết Nguyên đán, cụ thể: gạo tẻ thường tăng 0,39%, gạo tẻ ngon tăng 0,19%, gạo nếp tăng 0,96% so tháng trước.

Giá các mặt hàng lương thực chế biến khác cũng tăng 1,93% so với tháng trước, do nhu cầu chuẩn bị cho Tết Nguyên đán tăng cao (như giá bột mỳ và ngũ cốc khác tăng 1,85%).

1.2. Thực phẩm: Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 01 năm 2023 tăng 0,72% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá các mặt hàng thịt gia súc tăng 0,28% so với tháng trước, do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng trong dịp Tết, tuy nhiên do nguồn cung dồi dào nên mức tăng khá nhẹ; trong đó: thịt lợn tăng 0,24%, thịt bò tăng 0,26%. Giá thịt lợn tăng kéo theo một số mặt hàng liên quan đến thịt lợn tăng như nội tạng động vật tăng 0,51%; thịt quay, giò, chả tăng 0,63% so với tháng trước.

- Nhu cầu tiêu dùng của người dân trong ngày Lễ ông Công, ông Táo và dịp Tết Nguyên đán tăng cao nên giá các mặt hàng thịt gia cầm tươi sống tăng 0,51% so với tháng trước, trong đó: thịt gà tăng 0,78%, thịt gia cầm đông lạnh tăng 0,82%. Giá nhóm trứng các loại tăng 1,23%, do nhu cầu trong dịp Tết tăng cùng sản lượng trứng ít khi thời tiết lạnh giá.

- Giá các mặt hàng thủy sản tươi sống tăng 1,01% so với tháng trước, do sản lượng đánh bắt hạn chế và nhu cầu của người dân tăng trong dịp Tết; trong đó: cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,88%; tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,94%; thủy hải sản tươi sống khác tăng 1,75% so với tháng trước.

- Giá các mặt hàng như dầu ăn, bánh, mứt, kẹo; nhóm chè, cà phê, cacao tăng; do nhu cầu tiêu dùng phục vụ Tết tăng. Nhóm dầu thực vật tăng 0,20%; nhóm bánh, mứt, kẹo tăng 0,07%; nhóm chè, cà phê, cacao tăng 1,26% so với tháng trước.

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 1,12% so với tháng trước, do thời tiết giá rét làm rau củ khó phát triển và nhu cầu của người dân tăng trong dịp Tết làm cho giá các loại rau củ tăng, cụ thể: bắp cải tăng 2,08%; su hào tăng 0,50%; cà chua tăng 3,84%; khoai tây tăng 2,48%; rau muống tăng 3,16%; đỗ quả tươi tăng 7,62%; rau dạng quả, củ tăng 4,10%; rau tươi khác tăng 0,31% so với tháng trước.

- Giá nhóm quả tươi, chế biến tăng 3,15% so với tháng trước, do nhu cầu của người dân tăng trong dịp Tết. Giá nhóm quả có múi tăng 1,69%; giá chuối tăng 2,88% và giá nhóm quả tươi khác tăng 2,32% so với tháng trước.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình: Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 01 năm 2023 tăng 0,12% so với tháng trước, cụ thể: Nhóm uống ngoài gia đình tăng 1,02%; nhóm đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,08% so với tháng trước.

2. Nhóm đồ uống và thuốc lá: Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 01 năm 2023 tăng 0,58% so với tháng trước. Giá rượu bia tăng 1,19%, trong đó: rượu các loại tăng 1,13%; bia các loại tăng 1,24% so với tháng trước. Giá nhóm này đóng góp tăng 0,03% vào mức tăng chung của CPI tháng 01 năm 2023.

3. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 01 năm 2023 tăng 0,25% so với tháng trước, do nhu cầu mua sắm quần áo dịp Tết Nguyên đán Quý Mão tăng, trong đó: may mặc tăng 0,34%, may mặc khác và mũ nón tăng 0,34% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp tăng 0,02% vào mức tăng chung của CPI tháng 01 năm 2023.

4. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng: Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 01 năm 2023 giảm 0,09% so với tháng trước, do nhu cầu sử dụng điện và nước của người dân giảm so với tháng trước. Ngày 01/01/2023, giá gas Petrolimex được điều chỉnh giảm 27.000 đồng/bình 12 kg nên giá gas tháng này giảm 5,92% so với tháng trước.

5. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 01 năm 2023 tăng 0,28% so với tháng trước, trong đó: đồ dùng trong nhà tăng 0,02%; đồ dùng nấu ăn tăng 1,27%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng

1,55%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,46%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,50% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp tăng 0,03% vào mức tăng chung của CPI tháng 01 năm 2023.

6. Nhóm giao thông: Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 01 năm 2023 tăng 1,18% so với tháng trước, chủ yếu do chỉ số giá nhóm nhiên liệu tăng 2,26% qua các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 01/01/2023, ngày 03/01/2023 và ngày 11/01/2023, cụ thể: Giá xăng tăng 2,39%, riêng dầu Diezen giảm 2,85% so với tháng trước. Nhóm dịch vụ giao thông công cộng tăng 10,26%, trong đó: vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 32,42%; vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 28,78% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp tăng 0,12% vào mức tăng chung của CPI tháng 01 năm 2023.

Các mặt hàng và dịch vụ còn lại ổn định.

BẢNG CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG, CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG 01 NĂM 2023

Đơn vị tính: %

	Tháng 01 năm báo cáo so với:			Bình quân 01 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 01 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	106,09	100,44	100,38	100,44
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	111,30	103,01	100,60	103,01
<i>Trong đó:</i>				
<i>Lương thực</i>	109,88	101,44	100,91	101,44
<i>Thực phẩm</i>	110,60	101,99	100,72	101,99
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	114,12	106,88	100,12	106,88
2. Đồ uống và thuốc lá	105,58	101,57	100,58	101,57
3. May mặc, mũ nón và giày dép	104,37	100,25	100,25	100,25
4. Nhà ở và vật liệu xây dựng	109,27	101,54	99,91	101,54
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,10	100,81	100,28	100,81
6. Thuốc và dịch vụ y tế	102,68	100,00	100,00	100,00
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	102,31	100,00	100,00	100,00
7. Giao thông	102,86	98,92	101,18	98,92
8. Bưu chính viễn thông	99,77	100,00	100,00	100,00
9. Giáo dục	91,25	85,72	100,00	85,72
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	88,96	82,98	100,00	82,98
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	99,18	100,13	100,00	100,13
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	103,65	100,70	100,00	100,70
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	138,14	102,00	100,61	102,00
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	101,61	103,80	97,69	103,80

(Chi tiết có Bảng giá thị trường tháng 01 năm 2023 kèm theo)

III. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường trên địa bàn tỉnh tháng 02 năm 2023:

Thời điểm sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, giá nhiều loại thực phẩm hạ nhiệt, do lượng hàng tăng nhưng nhu cầu không còn quá cao nên giá bán si nhiều mặt hàng tại các chợ trên địa bàn tỉnh đã hạ nhiệt so với trước Tết Nguyên đán và dần về mức như ngày thường.

Bước sang năm 2023, dự báo tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, một vấn đề ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động xuất khẩu là nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam giảm rõ rệt. Nhất là mặt hàng không thiết yếu vốn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường các nước phát triển, ví dụ: dệt may, da giày. Đây là thách thức lớn cho thị trường xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2023. Ngoài ra, xuất khẩu thủy sản dự báo sẽ sụt giảm so với cùng kỳ các năm trước. Các thị trường xuất khẩu thủy sản chính như Mỹ, Trung Quốc, EU đều giảm mạnh tháng đầu năm, đặc biệt Mỹ giảm đến 56%. Nguyên nhân sụt giảm là ảnh hưởng theo đà thị trường cuối năm trước và dịp Tết Nguyên đán.

Dự báo giá gas tháng 02 năm 2023 tăng mạnh, nguyên nhân giá gas trong nước tăng mạnh ngay ngày đầu năm mới Quý Mão năm 2023 là do giá gas thế giới đột ngột tăng cao. Giá gas thế giới bình quân tháng 02 năm 2023 chốt hợp đồng ở mức 790 USD/tấn, tăng 192,5 USD/tấn so với tháng 01 năm 2023.

Dự báo giá xăng dầu tháng 02 năm 2023: Kỳ điều hành giá xăng dầu trong nước ngày 21/01/2023 trùng vào ngày 30 Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, do vậy giá xăng dầu sẽ được lùi sang kỳ điều hành tiếp theo, tức vào ngày 01/02/2023. Giá xăng bán lẻ trong kỳ điều hành ngày 01/02/2023 có khả năng tăng mạnh, do giá xăng nhập và giá xăng thế giới có xu hướng tăng lên. Dự báo giá xăng có thể tăng tới gần 2.000 đồng/lít, giá dầu sẽ tăng ít hơn.

Dự báo về nguồn cung thị trường bất động sản tỉnh Quảng Bình trong năm 2023 vẫn gặp nhiều khó khăn, do tình hình thắt chặt tín dụng đối với ngành bất động sản tiếp tục kéo dài. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng sẽ bị giám sát chặt chẽ hơn trong hoạt động phát hành trái phiếu dẫn đến khó khăn trong huy động vốn.

Trên đây là Báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý, điều hành về giá của tỉnh Quảng Bình tháng 01 năm 2023, Sở Tài chính Quảng Bình báo cáo Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính - Cục QL giá (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công thương;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm DVTCC;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, GCSDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Tùng Giang

